

UBND TỈNH QUẢNG NAM
LIÊN SỞ:
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
- TÀI CHÍNH - LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Số: 170/L/HDLN/GDĐT-TC-LĐTBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Nam, ngày 31 tháng 12 năm 2014

HƯỚNG DẪN LIÊN SỞ

Về việc triển khai thực hiện một số điều của Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDDT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDDT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 20);

Ngoài những nội dung đã được hướng dẫn tại Thông tư số 20, để thống nhất triển khai thực hiện quy định về miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, Liên Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính và Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Nam hướng dẫn thêm một số nội dung như sau:

1. Các văn bản quy định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn quy định tại điểm b khoản 11 Điều 4 Thông tư số 20, hiện nay có sự điều chỉnh và bổ sung như sau:

- Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng đến hết ngày 25 tháng 6 năm 2014. Từ ngày 26 tháng 6 năm 2014 trở về sau, áp dụng Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn (thay thế cho Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg).

- Áp dụng bổ sung Quyết định số 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015.

2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20, bao gồm:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa;

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo theo danh sách hộ cận nghèo điều tra hằng năm, đã được UBND cấp huyện phê duyệt và do UBND cấp xã quản lý.

3. Thủ tục cấp giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, cụ thể:

- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp cho đối tượng trên cơ sở danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo điều tra hằng năm đã được UBND cấp huyện phê duyệt và do UBND cấp xã quản lý.

- Mẫu giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDDT-BTC-BLĐTBXH ngày 03/8/2009 (mẫu đính kèm Hướng dẫn này).

4. Hạch toán rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

a. Cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù); đồng thời hạch toán thực chi ngân sách, tiêu mục 7766 của Mục lục NSNN.

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền học phí miễn, giảm cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

b. Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đối với các đối tượng đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập:

Khi rút dự toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và Kho bạc nhà nước hạch toán thực chi ngân sách và hạch toán vào tiêu mục 6406 của Mục lục NSNN.

c. Chi trả tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với người học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập; cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước:

Khi rút dự toán kinh phí chi trả cho các đối tượng được hạch toán như sau:

- Chi trả trực tiếp kinh phí miễn, giảm học phí: Tiêu mục 6405

- Chi trả trực tiếp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập: Tiêu mục 6406

5. Lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ số lượng các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, căn cứ mức học phí và mức hỗ trợ chi phí học tập theo quy định, UBND huyện, thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chi đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc (hoặc trực tiếp) lập, thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập gửi Sở Tài chính trước ngày 30/6 để tổng hợp vào dự toán chi NSNN của địa phương gửi Bộ Tài chính, đồng thời các địa phương, ngành, đơn vị cũng tổng hợp vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của địa phương, ngành, đơn vị gửi Sở Tài chính cùng thời gian báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch.

Biểu mẫu lập dự toán kinh phí hàng năm:

- a. Đối với UBND các huyện, thành phố: Báo cáo gửi về Sở Tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục IX, X, XI và XII kèm theo Thông tư số 20.
- b. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Báo cáo gửi về Sở Tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 và số 2 kèm theo Hướng dẫn này.
- c. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (chi đạo các trường trực thuộc thực hiện), Trường Đại học Quảng Nam, Trường CĐ KTKT Quảng Nam, Trường CĐ Y tế Quảng Nam, Trường CĐ nghề Quảng Nam lập báo cáo gửi về Sở Tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 và số 4 kèm theo Hướng dẫn này.

6. Các nội dung khác:

a. Về hỗ trợ chi phí học tập:

a.1. Năm học 2013-2014: Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố trên cùng địa bàn, xác định số học sinh thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập nhưng chưa chi trả trong năm học 2013-2014 (có biên bản xác nhận giữa cơ sở giáo dục và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

+ Đối với các trường hợp đã chi trả, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

+ Đối với các trường hợp chưa chi trả, các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tổng hợp nhu cầu kinh phí chi trả gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với các trường mầm non và trung học cơ sở) và Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các trường THPT) để thẩm định, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí chi trả và quyết toán theo quy định.

a.2. Năm học 2014-2015: Việc lập, phân bổ và quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20.

b. Về cấp bù học phí tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh Quảng Nam:

b.1. Năm học 2013-2014:

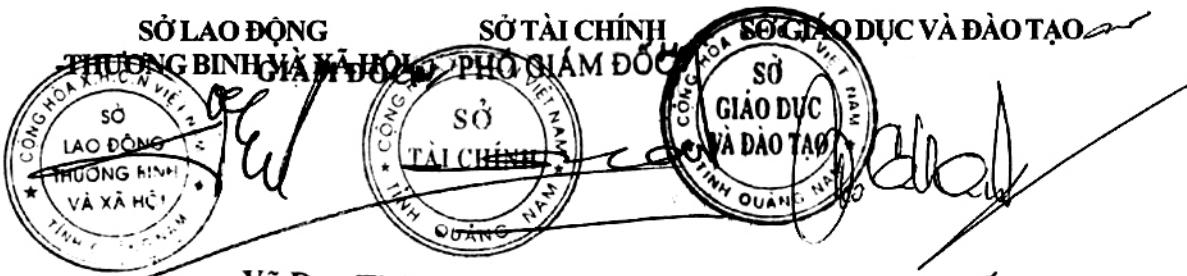
- Trường hợp đã được cấp bù tiền miễn, giảm học phí (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đã chi trả): Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp quyết toán với cơ quan tài chính cùng cấp, đồng thời Thông báo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học được biết để không xét miễn, giảm học phí đối với sinh viên, học viên này.

- Trường hợp chưa được cấp bù tiền miễn, giảm học phí (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chưa chi trả) hoặc chưa được xét miễn, giảm tiền học phí (cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa xét miễn, giảm):

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm học phí của các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 49/2010/NĐ-CP và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập thuộc tỉnh Quảng Nam hướng dẫn sinh viên, học viên bổ sung thêm Giấy xác nhận chưa được cấp bù tiền miễn, giảm học phí của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương nơi sinh viên, học viên thường trú để làm cơ sở xét miễn, giảm học phí theo quy định; đồng thời tổng hợp nhu cầu kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí báo cáo cơ quan chủ quản xét duyệt, tổng hợp (đối với các trường trực thuộc các ngành) gửi Sở Tài chính xét duyệt, thẩm định trình UBND tỉnh bố trí dự toán theo quy định.

b.2. Năm học 2014-2015: Việc lập, phân bổ và quyết toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét hướng dẫn./.



Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng: TC-KH, GD&ĐT, LĐTB&XH
huyện, thành phố;
- Lưu VT: Sở GD&ĐT, Sở TC, Sở LĐ-TB&XH.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HDLN/GDĐT-TC-LĐTBXH của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính và Lao động-Thương binh và Xã hội)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 49/2010/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 74/2013/NĐ-CP

TT	Chi tiêu	Dự toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập năm (1)			Kết quả thực hiện hỗ trợ chi phí học tập năm học ... (2)		
		Số đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Số đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu hỗ trợ chi phí học tập năm học... (2)
	Tổng số						
I	Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế						
1	Trường						
2	Trường						
...						
II	Trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Nhà nước						
1	Trường						
2	Trường						
...						

Ghi chú: Ví dụ lập dự toán kinh phí hỗ trợ chi phí học tập năm 2015, thì (1) là năm 2015, (2) là năm học 2013-2014

Quảng Nam, ngày tháng năm

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 2

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HDLN/GDĐT-TC-LĐTBXH của Liên sở: Giáo dục và
Đào tạo, Tài chính và Lao động-Thương binh và Xã hội)

Đơn vị báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP BÙ HỌC PHÍ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHÓ THÔNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 49/2010/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 74/2013/NĐ-CP

TT	Chi tiêu	Dự toán kinh phí cấp bù học phí năm ... (1)			Kết quả thực hiện cấp bù học phí năm học ... (2)				
		Số đối tượng miễn	Số đối tượng giảm	Nhu cầu cấp bù sung học phí	Đối tượng miễn	Đối tượng giảm 50%	Mức thu học phí HĐND quyết định	Số tháng miễn, giảm	Kinh phi cấp bù học phí
	Tổng số								
A	Trường THPT công lập								
I	Thành thị								
1	Trường								
2	Trường								
...								
II	Nông thôn								
1	Trường								
2	Trường								
...								
III	Miền núi								
1	Trường								
2	Trường								
...								
B	Trường THPT ngoài công lập								
I	Thành thị								
1	Trường								

TT	Chi tiêu	Dự toán kinh phí cấp bù học phí năm ... (1)			Kết quả thực hiện cấp bù học phí năm học ... (2)			
		Số đối tượng miễn	Số đối tượng giảm	Nhu cầu cấp bù增收 học phí	Đối tượng miễn	Đối tượng giảm 50%	Mức thu học phí HDND quyết định	Số tháng miễn, giảm
2	Trường							
...							
II	Nông thôn							
1	Trường							
2	Trường							
...							
III	Miền núi							
1	Trường							
2	Trường							
...							

Ghi chú: Ví dụ lập dự toán kinh phí cấp bù học phí năm 2015, thì (1) là năm 2015, (2) là năm học 2013-2014

Quảng Nam, ngày tháng năm

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 3

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HDLN/GDDT-TC-LDTBXH của Liên sở: Giáo dục và
Đào tạo, Tài chính và Lao động-Thương binh và Xã hội)

Đơn vị báo cáo: Trường (ĐH, CĐ, THCN, DN)

DỰ TOÁN KINH PHÍ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

Năm

Thực hiện theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Thời gian đào tạo (khóa)	Số HS, SV được miễn học phí	Số HS, SV được giảm học phí	Mức thu học phí/tháng	Số tháng đào tạo trong năm	Tổng KPI bù tiền miễn, giảm học phí	Trong đó	
								Miễn học phí	Giảm học phí
A	Đào tạo trong chỉ tiêu NS đối với SV có hộ khẩu trong tỉnh Quảng Nam								
I	Đại học								
1	Nhóm ngành...								
-	Lớp								
2	Nhóm ngành...								
-	Lớp								
-	Lớp								
II	Cao đẳng, Cao đẳng nghề								
1	Nhóm ngành...								
-	Lớp								
-	Lớp								
2	Nhóm ngành...								
-	Lớp								
-	Lớp								
III	Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề								
1	Nhóm ngành...								
-	Lớp								
-	Lớp								
2	Nhóm ngành...								
-	Lớp								

TT	Nội dung	Thời gian đào tạo (khóa)	Số HS, SV được miễn học phí	Số HS, SV được giảm học phí	Mức thu học phí/tháng	Số tháng đào tạo trong năm	Tổng KP cấp bù tiền miễn, giảm học phí	Trong đó	
								Miễn học phí	Giảm học phí
- Lớp									
IV Dạy nghề									
1 Nhóm ngành...									
- Lớp									
- Lớp									
2 Nhóm ngành...									
- Lớp									
- Lớp									
B Đào tạo trong chỉ tiêu NS đổi với SV có hộ khẩu ngoài tỉnh Quảng Nam	(Các chỉ tiêu báo cáo như mục A)								
C Đào tạo ngoài chỉ tiêu NS đổi với SV có hộ khẩu trong tỉnh Quảng Nam	(Các chỉ tiêu báo cáo như mục A)								
D Đào tạo ngoài chỉ tiêu NS đổi với SV có hộ khẩu ngoài tỉnh Quảng Nam	(Các chỉ tiêu báo cáo như mục A)								
Tổng cộng									

Quảng Nam, ngày tháng năm

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 4

(Kèm theo Hướng dẫn số: /HDLN/GDĐT-TC-LĐTBXH của Liên sở: Giáo dục và
Đào tạo, Tài chính và Lao động-Thương binh và Xã hội)

Đơn vị báo cáo: Trường (ĐH, CĐ, THCN, DN)

TỔNG HỢP NHU CẦU CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 49/2010/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 74/2013/NĐ-CP CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

TT	Chi tiêu	Dự toán cấp bù HP năm ... (1)		Kết quả thực hiện cấp bù học phí năm học ... (2)								Kinh phí cấp bù học phí	
		Số đối tượng	Kinh phí	Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học			
				Số đối tượng	Mức HP bq/ tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/ tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/ tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/ tháng		
	Tổng số												
A	Đào tạo trong chi tiêu NS đối với SV có hộ khẩu trong tỉnh Quảng Nam												
I	Đối tượng miễn học phí												
I	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công												
2	Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn												
3	Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế												
4	Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển												

TT	Chi tiêu	Dự toán cấp bù HP năm ... (1)		Kết quả thực hiện cấp bù học phí năm học ... (2)								Kinh phí cấp bù học phí	
		Số đối tượng	Kinh phí	Trung cấp nghề		Trung cấp chuyên nghiệp		Cao đẳng, Cao đẳng nghề		Đại học			
				Số đối tượng	Mức HP bq/tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/tháng	Số đối tượng	Mức HP bq/tháng		
5	Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo												
II	Đối tượng giảm học phí												
1	Đối tượng giảm 50% học phí												
2	Đối tượng giảm 70% học phí												
B	Đào tạo trong chi tiêu NS đối với SV có hộ khẩu ngoài tỉnh Quảng Nam	(Các chi tiêu báo cáo như mục A)											
C	Đào tạo ngoài chi tiêu NS đối với SV có hộ khẩu trong tỉnh Quảng Nam	(Các chi tiêu báo cáo như mục A)											
D	Đào tạo ngoài chi tiêu NS đối với SV có hộ khẩu ngoài tỉnh Quảng Nam	(Các chi tiêu báo cáo như mục A)											

Ghi chú: Ví dụ lập dự toán kinh phí cấp bù học phí năm 2015, thì (1) là năm 2015, (2) là năm học 2013-2014

Quảng Nam, ngày tháng năm

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị